

VAI TRÒ CỦA NĂNG LỰC SỐ ĐỐI VỚI SINH VIÊN NGÀNH KINH DOANH TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG

● TRƯƠNG HỒNG CHUYÊN

Khoa Kinh tế - Quản trị, Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng
Email: chuyenth@hiu.vn

TÓM TẮT:

Trí tuệ nhân tạo (AI) đang thay đổi diện mạo thị trường lao động Việt Nam, vừa thúc đẩy năng suất vừa đặt ra áp lực dịch chuyển cơ cấu nghề nghiệp lớn. Thách thức hiện nay là khoảng cách năng lực số và yêu cầu chuyển đổi mô hình quản trị tại doanh nghiệp. Trong bối cảnh đó, phát triển năng lực số cho lực lượng lao động trẻ trở thành giải pháp cốt lõi. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phỏng vấn định tính nhằm đánh giá thực trạng xây dựng năng lực số cho sinh viên ngành kinh doanh tại Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng (HIU). Các phát hiện từ nghiên cứu là cơ sở đề xuất giải pháp thiết kế chương trình đào tạo và hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giúp sinh viên thích ứng hiệu quả trong kỷ nguyên AI.

Từ khóa: năng lực số, trí tuệ nhân tạo, chương trình đào tạo, trải nghiệm.

1. Đặt vấn đề

Trong kỷ nguyên số, các tổ chức quốc tế đồng loạt khẳng định năng lực số là yếu tố sống còn đối với lực lượng lao động. Báo cáo của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF, 2023, 2025) xác định trong giai đoạn tiệm cận năm 2027, các nhà tuyển dụng toàn cầu tập trung ưu tiên nhóm kỹ năng nhận thức (tư duy phân tích, sáng tạo) và kỹ năng công nghệ (AI, Big Data). Đặc biệt, sự bùng nổ của AI tạo sinh buộc giáo dục đại học phải tái định nghĩa khung kỹ năng Giáo dục 4.0, tập trung vào bốn trụ cột: Công nghệ, Sáng tạo, Công dân toàn cầu và Kỹ năng tương tác (WEF, 2024).

Các nghiên cứu từ World Bank (2025) và OECD nhấn mạnh năng lực số không còn là lựa chọn mà là nền tảng bắt buộc cho sự phát triển bền vững. Đáng

chú ý, PwC (2024) chỉ ra tốc độ thay đổi kỹ năng trong các công việc liên quan đến AI nhanh hơn 66% so với các lĩnh vực khác, đồng thời nhân sự sở hữu năng lực AI có lợi thế thu nhập cao hơn tới 56%. Dù vậy, thị trường vẫn tồn tại khoảng cách lớn giữa sự lạc quan và năng lực thực tế của người lao động (PwC, 2024).

Hội thảo của UNESCO (2024) và nghiên cứu từ McKinsey (2024) cùng cảnh báo về tính phân cực của thị trường lao động khi AI tạo ra hiệu ứng kép: vừa thay thế các vị trí truyền thống, vừa tăng cường hiệu suất con người. Nhằm thích ứng trước dự báo 15% lực lượng lao động toàn cầu bị ảnh hưởng vào năm 2030, thể hệ trẻ cần sở hữu bộ đôi năng lực cốt lõi: Kỹ năng kỹ thuật (thành thạo dữ liệu, AI, học máy) và Kỹ năng mềm (tư duy phản biện, trí tuệ

cảm xúc, năng lực học tập thích ứng). Bối cảnh này đặt ra yêu cầu cấp thiết cho sinh viên khối ngành kinh doanh trong việc chủ động chuyển hóa các kỹ năng số đơn lẻ thành năng lực số toàn diện nhằm đáp ứng tiêu chuẩn khắt khe của thị trường.

Tại Việt Nam, phát triển năng lực số đã trở thành yêu cầu cấp thiết và mang tính pháp lý cao. Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT) chính thức quy định khung năng lực số bắt buộc cho người học, gồm 6 miền nội dung cốt lõi: (1) Khai thác dữ liệu và thông tin; (2) Giao tiếp và hợp tác trong môi trường số; (3) Sáng tạo nội dung số; (4) Giải quyết vấn đề trong môi trường số; (5) An toàn và an sinh số; và (6) Ứng dụng AI (Bộ GDĐT, 2025). Đây là bộ đỡ pháp lý quan trọng để các cơ sở giáo dục đại học xây dựng chuẩn đầu ra và đánh giá sinh viên trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia.

Các trường đại học tại Việt Nam đang chủ động cụ thể hóa quy định này bằng nhiều hành động quyết liệt. Điển hình, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) đã tiên phong xây dựng và triển khai các khung năng lực AI, đồng thời đưa các học phần công nghệ số và ứng dụng AI vào chương trình đào tạo đại trà cho hơn 20.000 tân sinh viên thuộc các khối ngành từ kinh tế, xã hội đến y tế.

Bên cạnh việc cải tiến chương trình, các trường đại học Việt Nam còn tập trung vào 3 trụ cột chiến lược: (1) Đổi mới phương pháp dạy học hướng tới phát triển tư duy phản biện thay vì lệ thuộc vào công nghệ; (2) Nâng cao năng lực tích hợp AI cho đội ngũ giảng viên; và (3) Đẩy mạnh hợp tác với các tập đoàn công nghệ để chuyển giao công cụ ứng dụng thực tế. Bối cảnh mới đặt ra yêu cầu cấp thiết cho các nhà quản lý giáo dục của HIU trong việc định hình lại chương trình đào tạo khối ngành kinh doanh, nhằm đảm bảo sinh viên tốt nghiệp sở hữu năng lực số thực chiến và đáp ứng hoàn toàn các tiêu chuẩn của Bộ GDĐT.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Khái niệm năng lực số

Năng lực số là khái niệm đa chiều, bao gồm kiến thức, kỹ năng và thái độ để sử dụng công nghệ một cách an toàn, sáng tạo và có trách nhiệm. Theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT, năng lực số cốt lõi của sinh viên Việt Nam gồm 6 miền: (1) Khai thác dữ liệu và thông tin, (2) Giao tiếp và hợp

tác trong môi trường số, (3) Sáng tạo nội dung số, (4) Giải quyết vấn đề trong môi trường số, (5) An toàn và an sinh số, và (6) Ứng dụng AI.

2.2. Ba trụ cột trong đào tạo năng lực số

Đào tạo năng lực số không chỉ dừng lại ở kỹ thuật mà cần tích hợp 3 trụ cột cốt lõi, được phát triển từ khung lý thuyết của Redecker (2022) nhằm thích ứng với kỷ nguyên AI tạo sinh:

- **Kỹ năng kỹ thuật:** Người học sử dụng thành thạo các công cụ số như hệ thống LMS, Excel, Power BI và các công cụ GenAI như ChatGPT.
- **Tư duy và ứng dụng:** Người học có tư duy phản biện, năng lực phân tích dữ liệu và ra quyết định chiến lược trong kinh doanh.
- **Thái độ và đạo đức:** Người học có tinh thần học tập suốt đời, tư duy thích ứng và trách nhiệm đạo đức trên không gian mạng.

2.3. Sự khác biệt theo ngành học

Tùy theo lĩnh vực, mức độ yêu cầu năng lực số sẽ có sự phân hóa. Nếu nhóm ngành công nghệ cần năng lực ở mức “chuyên sâu” như lập trình và phát triển hệ thống thì khối ngành kinh doanh – quản lý đòi hỏi sinh viên đạt mức độ “thông thạo ứng dụng” (World Bank, 2025; WEF, 2024). Ví dụ như sinh viên dùng AI để tối ưu hóa vận hành hay phân tích thị trường. Sinh viên ngành kinh doanh – quản lý cũng là nhóm đối tượng chịu ảnh hưởng và nhận được nhiều giá trị gia tăng nhất từ tiến trình số hóa.

2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực số của sinh viên

Sự hình thành năng lực số của sinh viên chịu tác động tổng hòa bởi 3 nhóm yếu tố:

- **Cơ sở giáo dục:** chương trình, hạ tầng, giảng viên (OECD, n.d.; UNESCO, 2024; World Bank, 2025).
- **Môi trường bên ngoài:** khung pháp lý của Bộ GDĐT, sự kết nối doanh nghiệp (Bộ GDĐT, 2025; PwC, 2024; WEF, 2025).
- **Cá nhân sinh viên:** sự chủ động, điều kiện kinh tế (McKinsey, 2024; WEF, 2024).

Mặc dù khung năng lực số nhìn chung đã được chuẩn hóa, nhưng vẫn tồn tại một vài khoảng trống nghiên cứu. Các nghiên cứu hiện tại chưa làm rõ được bản chất sâu bên trong về tư duy thích ứng, rào cản tâm lý hay cách thức sinh viên thực tế tương tác với AI tạo sinh. Các nghiên cứu hiện tại còn thiếu sự

cụ thể hóa các miền năng lực tổng quát thành bộ kỹ năng ứng dụng thực chiến trong đào tạo sinh viên khối ngành kinh doanh. Chưa có nghiên cứu cụ thể nhằm kết nối khung lý thuyết về năng lực số với hệ sinh thái thực tại và các hoạt động trải nghiệm sáng tạo đặc thù tại HIU.

Nghiên cứu nhằm đào sâu vào trải nghiệm thực tế, nhận thức và những thách thức cốt lõi của sinh viên ngành kinh doanh HIU. Đây là cơ sở khoa học và thực tiễn quan trọng để giải quyết khoảng trống nghiên cứu, đồng thời cung cấp các phát hiện chuyên sâu nhằm thiết kế lộ trình phát triển năng lực số thực chiến cho người học.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng phương pháp tiếp cận định tính nhằm khai thác sâu sắc nhận thức, rào cản và kinh nghiệm thực tiễn của người học. Bản chất của năng lực số và sự thích ứng với AI là các hiện tượng tâm lý – hành vi phức tạp. Phương pháp phỏng vấn nhóm tập trung cho phép người nghiên cứu đào sâu thể giới quan của sinh viên, ghi nhận những sắc thái biểu cảm và sự tương tác tranh luận trực tiếp giữa các thành viên – điều mà các bảng hỏi định lượng đóng không thể biểu đạt được.

Khảo sát được tiến hành từ tháng 3 đến tháng 4/2026 tại cơ sở chính của HIU. Đối tượng phỏng vấn là sinh viên năm 3 và năm 4 thuộc các ngành chịu tác động số hóa mạnh mẽ: Quản trị Kinh doanh (30 sinh viên chia làm 3 nhóm), Digital Marketing (30 sinh viên chia làm 3 nhóm), và Thương mại điện tử (20 sinh viên chia làm 2 nhóm). Đây là nhóm mẫu có đủ trải nghiệm tích lũy về chương trình đào tạo để đưa ra các đánh giá mang tính phản biện. Dữ liệu ghi âm và ghi chép được xử lý bằng phương pháp phân tích nội dung dựa trên chủ đề thông qua quy trình mã hóa dữ liệu thô.

Nội dung bảng hỏi bán cấu trúc tập trung vào 3 trục chính:

- Nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của năng lực số và ứng dụng AI trong bối cảnh dịch chuyển số của thị trường nhân sự ngành kinh doanh.
- Đánh giá của người học về thực trạng đào tạo, hạ tầng công nghệ và các chính sách hỗ trợ phát triển năng lực số thực tế tại HIU.
- Kỳ vọng và đề xuất của sinh viên về các kỹ năng số thực chiến mà nhà trường cần ưu tiên đào tạo để đáp ứng yêu cầu từ doanh nghiệp đối tác.

Kết quả nghiên cứu được kỳ vọng cung cấp bằng chứng thực nghiệm từ góc nhìn của người học, hỗ trợ nhà trường có thêm cơ sở tham khảo để đối chiếu và tinh chỉnh chương trình theo định hướng của Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT. Đồng thời các phát hiện này giúp nhận diện khoảng cách giữa năng lực thực tế của sinh viên HIU so với nhu cầu thị trường lao động. Từ đó làm căn cứ khoa học đề xuất các giải pháp cải tiến phương pháp dạy học và thiết kế hoạt động trải nghiệm sáng tạo, thúc đẩy năng lực số thực chiến cho sinh viên khối ngành kinh doanh tại HIU.

4. Kết quả nghiên cứu

Từ kết quả phân tích nội dung dựa trên chủ đề của dữ liệu phỏng vấn sâu, nghiên cứu đã khái quát hóa thực trạng thành một mô hình khung năng lực số cộng sinh và thực chiến (Hình 1) dựa trên 3 trục phát hiện định tính cốt lõi:

• *Trục 1: Môi trường nuôi dưỡng và những “điểm nghẽn” hạ tầng*

Sinh viên HIU nhận định môi trường học tập khối kinh doanh có thể mạnh lớn về văn hóa thực hành, hoạt động cố vấn (mentorship) và các dự án trải nghiệm thực tế. Tuy nhiên, một phát hiện định tính quan trọng là sự hụt hẫng của người học khi nhận thấy giáo trình truyền thống và hạ tầng công nghệ tại trường đang có sự “lệch pha”, chưa theo kịp tốc độ bùng nổ của AI tạo sinh ngoài thực tế.

• *Trục 2: Tư duy cộng sinh giữa con người và AI*

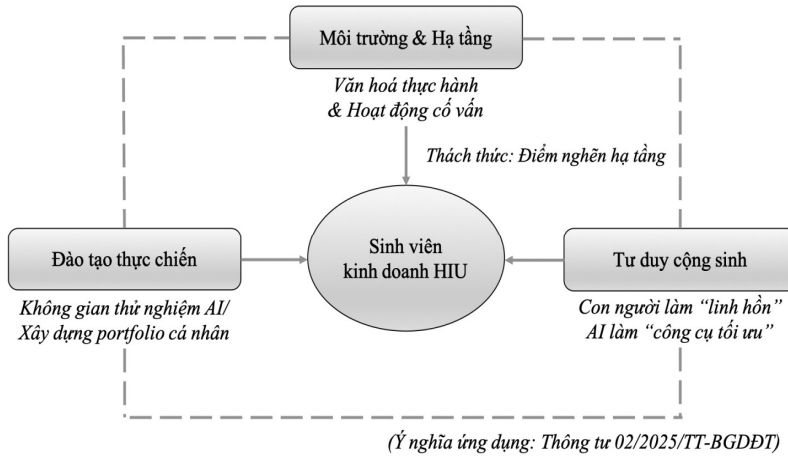
Thay vì lo sợ bị thay thế, sinh viên ngành kinh doanh tại HIU thể hiện một tư duy trưởng thành và thực tế. Họ định vị AI là “công cụ tối ưu hóa quy trình chuyên môn” (đọc dữ liệu, chạy ads), nhưng khẳng định tư duy chiến lược, sự thấu hiểu cảm xúc khách hàng và đạo đức nghề nghiệp mới là “linh hồn” tạo nên giá trị khác biệt của người làm kinh doanh.

• *Trục 3: Kỳ vọng dịch chuyển sang mô hình “đào tạo thực chiến”*

Dữ liệu phỏng vấn làm nổi bật nhu cầu cấp thiết của người học trong việc chuyển đổi hình thức học tập. Sinh viên mong muốn nhà trường kiến tạo các không gian thử nghiệm (câu lạc bộ AI, cuộc thi số hóa ứng dụng) giúp họ xây dựng hồ sơ năng lực (portfolio) cá nhân ngay từ khi ngồi trên ghế nhà trường để tăng tính cạnh tranh trên thị trường lao động. (Hình 1)

Hình 1: Mô hình khung năng lực số cộng sinh và thực chiến của sinh viên kinh doanh HIU

(Đề xuất từ kết quả nghiên cứu định tính)



Nghiên cứu này không dừng lại ở việc đo lường các chỉ số năng lực số khô khan, mà đã gọi tên được những rào cản tâm lý, kỳ vọng nội tại và tư duy thích ứng với công nghệ của sinh viên Kinh doanh HIU. Đây là bằng chứng thực nghiệm trực quan giúp các nhà quản lý giáo dục tại HIU nhận diện rõ khoảng cách giữa “năng lực đào tạo của nhà trường” và “nhu cầu thực tế của người học”. Từ đó, mô hình này đóng vai trò làm căn cứ tham khảo sắc bén để nhà trường tái cấu trúc chương trình đào tạo, tích hợp các chuẩn mực của Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT vào các hoạt động trải nghiệm thực chiến mang tính đặc thù của HIU.

5. Kết luận

Nghiên cứu đã hoàn thành mục tiêu nhận diện và phân tích thực trạng phát triển năng lực số của sinh viên khối ngành kinh doanh tại HIU dựa trên lăng kính định tính, bám sát định hướng của Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT.

Về mặt lý luận, nghiên cứu đóng góp một trường hợp điển hình đào sâu vào mối quan hệ cộng sinh giữa nhận thức của người học và công nghệ AI tạo sinh trong giáo dục đại học. Thay vì chỉ đo lường các chỉ số kỹ thuật khô khan, nghiên cứu đã làm rõ các yếu tố thuộc về tư duy chiến lược, rào cản tâm lý và đạo đức công nghệ của sinh viên ngành kinh doanh. Đây là nguồn dữ liệu thực nghiệm gợi mở cho các nghiên cứu tiếp theo trong việc xây dựng khung năng lực số chuyên biệt cho khối ngành kinh tế tại Việt Nam.

Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu đã chỉ ra “khoảng cách” giữa kỳ vọng nghề nghiệp thực chiến của sinh viên và năng lực đáp ứng về hạ tầng, giáo trình hiện tại của nhà trường. Phát hiện này là kênh thông tin phản hồi quan trọng từ người học, giúp các nhà quản lý giáo dục tại HIU nhận diện rõ điểm nghẽn. Từ đó, nghiên cứu cung cấp căn cứ thực tế để nhà trường tối ưu hóa hệ sinh thái doanh nghiệp đối tác, tinh chỉnh chuẩn đầu ra và thiết kế các không gian thử nghiệm công nghệ số phù hợp với đặc thù của sinh viên kinh doanh.

Để khắc phục hạn chế về tính đại diện của phương pháp định tính hẹp tại một cơ sở, các nghiên cứu trong tương lai có thể sử dụng các phát hiện định tính về tư duy và rào cản từ nghiên cứu này để thiết kế bảng hỏi, tiến hành khảo sát định lượng diện rộng. Ngoài ra, nghiên cứu trong tương lai có thể mở rộng khảo sát đối với nhóm đối tượng giảng viên và nhà tuyển dụng doanh nghiệp nhằm đánh giá mức độ tương thích của năng lực số sinh viên trước sự thay đổi liên tục của các công cụ AI ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025). Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ban hành ngày 24/01/2025 quy định về Khung năng lực số cho người học trong hệ thống giáo dục quốc dân. Cổng thông tin điện tử Bộ Giáo dục và Đào tạo.

McKinsey Global Institute (2024). The economic potential of generative AI: The next productivity frontier. McKinsey & Company, USA.

OECD (n.d.). Future of education and skills 2030. Available at <https://www.oecd.org/en/about/projects/future-of-education-and-skills-2030.html>

PwC (2024). Global workforce hopes and fears survey 2024. Available at <https://www.pwc.com/gx/en/issues/workforce/hopes-and-fears/hopes-and-fears-2024.html>.

Redecker C. (2022). DigComp 2.2: The digital competence framework for citizens – With new examples of knowledge, skills and attitudes. Publications Office of the European Union, Luxembourg.

UNESCO (2024). UNESCO Global Skills Academy Session on World Youth Skills Day 2024. Available at <https://www.unesco.org/en/articles/world-youth-skills-day-unescos-global-skills-academy-hosts-session-ai-skills-future-work>.

World Bank (2025). World development report 2025. Available at <https://www.worldbank.org/en/publication/wdr2025>

World Economic Forum (2023). Future of jobs report 2023. Available at <https://www.weforum.org/publications/the-future-of-jobs-report-2023/>

World Economic Forum. (2024). Shaping the future of learning: The role of AI in education 4.0. Available at https://www3.weforum.org/docs/WEF_Shaping_the_Future_of_Learning_2024.pdf

World Economic Forum (2025). Future of jobs report 2025. Available at <https://www.weforum.org/publications/the-future-of-jobs-report-2025/>

Ngày nhận bài: 05/05/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 22/05/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 09/06/2026

THE ROLE OF DIGITAL COMPETENCE FOR BUSINESS STUDENTS AT HONG BANG INTERNATIONAL UNIVERSITY

● TRUONG HONG CHUYEN

Faculty of Economics and Management,
Hong Bang International University
Email: chuyenth@hiu.vn

ABSTRACT:

Artificial Intelligence (AI) is reshaping the landscape of Vietnam's labor market, simultaneously driving productivity and exerting significant pressure on occupational structural shifts. Current challenges lie in the digital competence gap and the emerging requirements for organizational governance transformation in enterprises. Against this backdrop, developing digital competence for the young workforce has become a core solution. This study employs a qualitative interview method to assess the current state of digital competence development for business students at Hong Bang International University (HIU). The research findings serve as a foundation for proposing solutions in curriculum design and creative experiential activities, thereby enabling students to adapt effectively to the AI era.

Keywords: digital competence, artificial intelligence, curriculum and experience.